

Số: 875 /QĐ-UBND

Bắc Giang, ngày 27 tháng 5 năm 2024

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính mới ban hành trong lĩnh vực nghề  
thủ công mỹ nghệ thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Công Thương**

**CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;*

*Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và  
Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;*

*Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 của Chính phủ về  
kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07/8/2017 của  
Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm  
soát thủ tục hành chính;*

*Căn cứ Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ về  
thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông;*

*Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31/10/2017 của Bộ trưởng,  
Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn nghiệp vụ về kiểm soát thủ tục  
hành chính;*

*Căn cứ Thông tư số 01/2018/TT-VPCP ngày 23/11/2018 của Bộ trưởng,  
Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn thi hành một số quy định của Nghị  
định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ;*

*Căn cứ Quyết định số 1200/QĐ-BCT ngày 16/5/2024 của Bộ trưởng Bộ  
Công Thương về việc công bố thủ tục hành chính mới được ban hành và bị bãi  
bỏ trong lĩnh vực nghề thủ công mỹ nghệ thuộc phạm vi chức năng quản lý của  
Bộ Công Thương;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Công Thương tại Tờ trình số 21/TTr-SCT  
ngày 23/5/2024.*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Công bố kèm theo Quyết định này Danh mục thủ tục hành chính mới ban hành trong lĩnh vực nghề thủ công mỹ nghệ thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Công Thương trên địa bàn tỉnh Bắc Giang (có Phụ lục kèm theo).

**Điều 2.** Giao Giám đốc Sở Công Thương xây dựng, trình Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt quy trình nội bộ đối với thủ tục hành chính được quy định tại Điều 1. Phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông xây dựng và cập nhật quy

trình điện tử trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh Bắc Giang trong thời hạn 05 ngày kể từ ngày Quyết định được ký ban hành.

**Điều 3.** Thủ trưởng các cơ quan: Văn phòng UBND tỉnh, Sở Công Thương, Sở Thông tin và Truyền thông, Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, UBND huyện, thị xã, thành phố và tổ chức, cá nhân có liên quan căn cứ Quyết định thi hành./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- Văn phòng Chính phủ (Cục KSTTHC);
- TT Tỉnh ủy, TT HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- VP UBND tỉnh: CVP, HCC, KTTH, TTTT;
- Lưu: VT, NC-KSTT<sub>Linh</sub>.

**KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**



**Mai Sơn**

**Phụ lục**

**DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH MỚI BAN HÀNH TRONG LĨNH VỰC NGHỀ THỦ CÔNG MỸ NGHỆ**  
**THUỘC PHẠM VI QUẢN LÝ CỦA SỞ CÔNG THƯƠNG**  
*(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày /5/2024 của Chủ tịch UBND tỉnh Bắc Giang)*

**PHẦN I. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH**

**1. Danh mục thủ tục hành chính mới ban hành**

STT	Mã TTHC	Lĩnh vực/Thủ tục hành chính	Cơ chế giải quyết	Thời hạn giải quyết		Thời hạn giải quyết của các cơ quan (Sau cắt giảm)		Phí, lệ phí	Thực hiện qua dịch vụ bưu chính công ích		Ghi chú
				Theo quy định	Sau cắt giảm	Sở Công Thương	Cơ quan phối hợp giải quyết		Tiếp nhận hồ sơ	Trả kết quả	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)
1	1.012471	Xét tặng danh hiệu “Nghệ nhân nhân dân”, “Nghệ nhân ưu tú” trong lĩnh vực nghề thủ công mỹ nghệ	MCLT	90 ngày	90 ngày			không			

## PHẦN II. NỘI DUNG CỤ THỂ CỦA THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

(Nội dung TTHC theo Quyết định số 1200/QĐ-BCT ngày 16/5/2024 của Bộ trưởng Bộ Công Thương)

### 1. Xét tặng danh hiệu “Nghệ nhân nhân dân”, “Nghệ nhân ưu tú” trong lĩnh vực nghề thủ công mỹ nghệ

#### 1.1. Trình tự thực hiện:

- Cá nhân quy định tại khoản 1 Điều 2 Nghị định số 43/2024/NĐ-CP ngày 19 tháng 4 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết về xét tặng danh hiệu “Nghệ nhân nhân dân”, “Nghệ nhân ưu tú” trong lĩnh vực nghề thủ công mỹ nghệ (viết tắt là Nghị định số 43/2024/NĐ-CP), tự mình hoặc ủy quyền bằng văn bản theo quy định của pháp luật cho cá nhân khác lập hồ sơ đề nghị xét tặng danh hiệu “Nghệ nhân nhân dân”, “Nghệ nhân ưu tú” trong lĩnh vực nghề thủ công mỹ nghệ gửi trực tiếp hoặc qua đường bưu chính hoặc trực tuyến 01 bộ hồ sơ theo thời gian quy định trong Kế hoạch xét tặng danh hiệu “Nghệ nhân nhân dân”, “Nghệ nhân ưu tú” đến Sở Công Thương nơi cá nhân đề nghị xét tặng.

- Cơ quan tiếp nhận hồ sơ có trách nhiệm kiểm tra về tính hợp lệ, đầy đủ của các giấy tờ, tài liệu của hồ sơ theo quy định và trả lời bằng văn bản trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ. Trường hợp hồ sơ cá nhân không hợp lệ, cần bổ sung, chỉnh sửa, cơ quan tiếp nhận hồ sơ hướng dẫn để cá nhân hoàn thiện hồ sơ. Trong thời hạn 15 ngày tính từ khi nhận lại hồ sơ, cá nhân hoàn thiện và nộp hồ sơ đến cơ quan tiếp nhận.

- Sở Công Thương chủ trì, tham mưu đề nghị thành lập Hội đồng xét tặng danh hiệu “Nghệ nhân nhân dân”, “Nghệ nhân ưu tú” trong lĩnh vực nghề thủ công mỹ nghệ cấp tỉnh (gọi chung là Hội đồng cấp tỉnh).

#### \* Trình tự xét tặng tại Hội đồng cấp tỉnh:

- Công khai danh sách các cá nhân đề nghị xét tặng trên các phương tiện truyền thông của tỉnh (Báo, cổng thông tin điện tử, Đài phát thanh truyền hình...), thời gian ít nhất 15 ngày trước khi họp Hội đồng;

- Tổ chức thẩm định hồ sơ, tiến hành xét chọn:

+ Thẩm định nội dung các tài liệu có trong hồ sơ, xem xét việc đáp ứng tiêu chuẩn của cá nhân đối với từng danh hiệu theo quy định tại Nghị định số 43/2024/NĐ-CP;

+ Tổ chức đánh giá thực tế cá nhân đề nghị xét tặng danh hiệu “Nghệ nhân nhân dân”, “Nghệ nhân ưu tú” tại cơ sở sản xuất;

+ Tiếp nhận, xử lý kiến nghị của tổ chức, cá nhân (nếu có) và tiến hành bỏ phiếu kín để chọn cá nhân có đủ tiêu chuẩn đề nghị xét tặng danh hiệu “Nghệ nhân nhân dân”, “Nghệ nhân ưu tú” trình Hội đồng chuyên ngành cấp bộ;

+ Thông báo công khai kết quả xét chọn trên các phương tiện truyền thông

của tỉnh (Báo, cổng thông tin điện tử, Đài phát thanh truyền hình...), thời gian ít nhất 15 ngày;

+ Gửi văn bản báo cáo về kết quả xét chọn của Hội đồng cấp tỉnh cùng với 01 bộ hồ sơ quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 12 Nghị định số 43/2024/NĐ-CP kèm tệp tin điện tử của hồ sơ (trừ văn bản có nội dung bí mật nhà nước) đến Hội đồng chuyên ngành cấp bộ theo thời gian quy định trong Kế hoạch xét tặng danh hiệu “Nghệ nhân nhân dân”, “Nghệ nhân ưu tú”;

+ Thông báo bằng văn bản kết quả xét chọn đến cá nhân đã gửi hồ sơ đề nghị.

**1.2. Cách thức thực hiện:** Trực tiếp đến Sở Công Thương; Qua bưu chính; Trực tuyến.

### **1.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:**

#### **- Thành phần hồ sơ:**

+ Bản khai thành tích đề nghị xét tặng danh hiệu “Nghệ nhân nhân dân” theo Mẫu số 01 và Bản khai thành tích đề nghị xét tặng danh hiệu “Nghệ nhân ưu tú” theo Mẫu số 02 tại Phụ lục kèm theo Nghị định số 43/2024/NĐ-CP;

+ Có một trong các tài liệu chứng minh những đóng góp đối với việc giữ gìn, truyền nghề, dạy nghề: Bằng hoặc đĩa hình hoặc ảnh mô tả các kỹ năng, kỹ xảo đang nắm giữ hoặc bản chứng thực trong trường hợp cá nhân nộp hồ sơ qua đường bưu điện, bản photocopy (có bản gốc để đối chiếu) trong trường hợp cá nhân nộp trực tiếp giấy chứng nhận hoặc quyết định tặng thưởng Huân chương, Huy chương, Giải thưởng, Bằng khen hoặc các tài liệu khác liên quan.

**- Số lượng hồ sơ:** 01 bộ.

**1.4. Thời hạn giải quyết:** Thời gian tổ chức hoạt động xét tặng danh hiệu “Nghệ nhân nhân dân”, “Nghệ nhân ưu tú” trong lĩnh vực nghề thủ công mỹ nghệ tại Hội đồng cấp tỉnh không quá 90 ngày.

**1.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Cá nhân là người Việt Nam làm việc trong lĩnh vực nghề thủ công mỹ nghệ.

### **1.6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:**

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Hội đồng cấp tỉnh.

- Cơ quan trực tiếp thực hiện: Sở Công Thương

**1.7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Thông báo bằng văn bản kết quả xét chọn đến cá nhân đã gửi hồ sơ đề nghị.

**1.8. Lệ phí:** Không.

### **1.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:**

- Bản khai thành tích đề nghị xét tặng danh hiệu “Nghệ nhân nhân dân” theo mẫu số 1 (kèm theo)

- Bản khai thành tích đề nghị xét tặng danh hiệu “Nghệ nhân ưu tú” theo mẫu số 2 (kèm theo)

#### **1.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:**

**a) Cá nhân đề nghị xét tặng danh hiệu “Nghệ nhân nhân dân” đạt các tiêu chuẩn sau:**

*Danh hiệu “Nghệ nhân nhân dân” trong lĩnh vực nghề thủ công mỹ nghệ được tặng cho cá nhân quy định tại khoản 1, Điều 2 Nghị định số 43/2024/NĐ-CP đã được tặng danh hiệu “Nghệ nhân ưu tú” trong lĩnh vực nghề thủ công mỹ nghệ và đạt các tiêu chuẩn sau:*

*1. Trung thành với Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa; chấp hành tốt chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, điều lệ, nội quy, quy chế của cơ quan, tổ chức, địa phương.*

*2. Có thời gian hoạt động liên tục trong nghề thủ công mỹ nghệ hoặc cộng đồng từ 20 năm trở lên.*

*3. Có phẩm chất đạo đức tốt, gương mẫu trong cuộc sống; tâm huyết, tận tụy với nghề; được đồng nghiệp và Nhân dân mến mộ, kính trọng; là đại diện tiêu biểu cho sự nghiệp bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa trong lĩnh vực nghề thủ công mỹ nghệ của cả nước.*

*4. Có tri thức, kỹ năng đặc biệt xuất sắc, cụ thể:*

*a) Sau khi đã được phong tặng danh hiệu “Nghệ nhân ưu tú ” Nghệ nhân phải trực tiếp thiết kế, chế tác được 02 sản phẩm, tác phẩm mới có giá trị kinh tế, kỹ thuật và mỹ thuật cao, đạt một trong các tiêu chí: Đạt giải nhì trở lên các cuộc thi liên quan đến sản phẩm thủ công mỹ nghệ do cơ quan có thẩm quyền tổ chức trong phạm vi cả nước; được Nhà nước Việt Nam cử tham gia các hoạt động trong lĩnh vực nghề thủ công mỹ nghệ đạt thành tích từ giải ba khu vực, quốc tế trở lên; được cơ quan nhà nước có thẩm quyền công nhận tiêu biểu, đánh giá phân hạng cấp quốc gia trong lĩnh vực thủ công mỹ nghệ.*

*b) Trường hợp “Nghệ nhân ưu tú ” trên 70 tuổi, không đáp ứng tiêu chuẩn tại điểm a khoản này thì phải đạt một trong các tiêu chuẩn: Là người dân tộc thiểu số (hiện đang làm nghề và sinh sống ổn định tại vùng dân tộc thiểu số từ 05 năm trở lên); có 02 sản phẩm, tác phẩm trở lên được chọn làm tặng phẩm của Lãnh đạo Đảng, Nhà nước tặng khách cấp cao nước ngoài theo quy định về nghi lễ đối ngoại; được bảo tàng cấp quốc gia lựa chọn làm hiện vật trưng bày; được sử dụng vào công trình phục chế di tích lịch sử - văn hoá (công trình, biểu trưng văn hóa) cấp quốc gia.*

*5. Có công lớn trong việc bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa trong lĩnh vực nghề thủ công mỹ nghệ của cả nước; nắm giữ kỹ năng, bí quyết nghề, truyền dạy nghề cho từ 150 cá nhân trở lên, trừ trường hợp nghề thủ công mỹ nghệ đặc thù hoặc từ 20 cá nhân trở lên hiện đang làm nghề trên 10 năm tại các*

cơ sở sản xuất hoặc từ 01 cá nhân trở lên được Nhà nước phong tặng danh hiệu “Nghệ nhân ưu tú” trong lĩnh vực nghề thủ công mỹ nghệ.

**b) Cá nhân đề nghị xét tặng danh hiệu “Nghệ nhân ưu tú” đạt các tiêu chuẩn sau:**

Danh hiệu “Nghệ nhân ưu tú” trong lĩnh vực nghề thủ công mỹ nghệ được tặng cho cá nhân quy định tại khoản 1, Điều 2 Nghị định số 43/2024/NĐ-CP đạt các tiêu chuẩn sau:

1. Trung thành với Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa; chấp hành tốt chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, điều lệ, nội quy, quy chế của cơ quan, tổ chức, địa phương.

2. Có thời gian hoạt động liên tục trong nghề thủ công mỹ nghệ hoặc cộng đồng từ 15 năm trở lên.

3. Có phẩm chất đạo đức tốt, gương mẫu trong cuộc sống; tâm huyết, tận tụy với nghề, được đồng nghiệp và Nhân dân mến mộ, kính trọng; là đại diện tiêu biểu cho sự nghiệp bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa trong lĩnh vực nghề thủ công mỹ nghệ của địa phương.

4. Có tri thức, kỹ năng đặc biệt xuất sắc, cụ thể:

a) Trực tiếp thiết kế, chế tác được ít nhất 10 tác phẩm, sản phẩm có giá trị kinh tế, kỹ thuật và mỹ thuật cao;

b) Đã có sản phẩm, tác phẩm đạt một trong các tiêu chí: Đạt từ giải nhì trở lên trong các cuộc thi liên quan đến sản phẩm thủ công mỹ nghệ do cơ quan có thẩm quyền tổ chức phạm vi cấp tỉnh hoặc giải ba trở lên trong phạm vi cả nước; được Nhà nước Việt Nam cử tham gia các hoạt động trong lĩnh vực thủ công mỹ nghệ đạt thành tích từ giải ba khu vực, quốc tế trở lên; được cơ quan nhà nước có thẩm quyền công nhận tiêu biểu, đánh giá phân hạng cấp quốc gia trong lĩnh vực nghề thủ công mỹ nghệ; được bảo tàng cấp quốc gia, bảo tàng cấp tỉnh lựa chọn làm hiện vật trưng bày; được sử dụng làm mẫu phục vụ công tác giảng dạy trong lĩnh vực thủ công mỹ nghệ tại các cơ sở giáo dục nghề nghiệp, đại học; được sử dụng vào công trình phục chế di tích lịch sử - văn hóa (công trình biểu trưng văn hóa) cấp tỉnh, cấp quốc gia.

5. Có công lớn trong việc bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa trong lĩnh vực nghề thủ công mỹ nghệ của địa phương; nắm giữ kỹ năng, bí quyết, truyền dạy nghề cho từ 100 cá nhân trở lên, trừ trường hợp nghề thủ công mỹ nghệ đặc thù hoặc từ 15 cá nhân trở lên hiện đang làm nghề trên 10 năm tại các cơ sở sản xuất.

#### **1.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

- Luật Thi đua, khen thưởng ngày 15 tháng 6 năm 2022;
- Luật Di sản văn hóa ngày 29 tháng 6 năm 2001; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Di sản văn hóa ngày 18 tháng 6 năm 2009;
- Nghị định số 43/2024/NĐ-CP ngày 19 tháng 4 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết về xét tặng danh hiệu “Nghệ nhân nhân dân”, “Nghệ nhân ưu tú” trong lĩnh vực nghề thủ công mỹ nghệ.

**Mẫu số 01****Ảnh màu****4 x 6***(đóng dấu  
giáp lai)***CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc****BẢN KHAI THÀNH TÍCH ĐỀ NGHỊ XÉT TẶNG  
DANH HIỆU “NGHỆ NHÂN NHÂN DÂN”***(Độ dài không quá 05 trang khổ A4)***I. SƠ YẾU LÝ LỊCH**

1. Họ và tên (khai sinh): .....; Ngày, tháng, năm sinh: .....

2. Tên thường gọi hoặc nghệ danh, bí danh: .....

3. Mã định danh cá nhân: .....Ngày cấp: .....

Nơi cấp: .....

4. Địa chỉ thường trú: .....

5. Nơi cư trú hiện nay: .....

6. Tên nghề thủ công mỹ nghệ nắm giữ: .....

7. Năm bắt đầu thực hành nghề thủ công mỹ nghệ: .....

8. Năm được phong tặng danh hiệu “Nghệ nhân ưu tú”: .....

9. Điện thoại nhà riêng: ..... Điện thoại di động: .....

10. Địa chỉ liên hệ: .....

11. Người liên hệ khi cần: .....Điện thoại: .....

12. Số lượng học trò đã truyền dạy được: .....

13. Học trò tiêu biểu:

Họ và tên:.....; Ngày, tháng năm sinh: .....

Địa chỉ: .....

Điện thoại nhà riêng: .....Điện thoại di động: .....

Thành tích đạt được: .....

**II. QUÁ TRÌNH THAM GIA THỰC HÀNH NGHỀ THỦ CÔNG MỸ NGHỆ***(Kê khai về quá trình tham gia thực hành nghề thủ công mỹ nghệ sau khi được phong  
tặng danh hiệu Nghệ nhân ưu tú)*.....  
.....  
.....  
.....



### III. TRI THỨC VÀ KỸ NĂNG ĐANG NẮM GIỮ

Mô tả kỹ năng và kỹ xảo nghề đang nắm giữ: .....

.....  
 .....  
 .....  
 .....  
 .....

### IV. TÊN TÁC PHẨM, SẢN PHẨM TIÊU BIỂU

Kê khai số lượng, nội dung của tác phẩm, sản phẩm sau khi được phong tặng danh hiệu “Nghệ nhân ưu tú”: .....

.....  
 .....  
 .....  
 .....  
 .....

### V. KHEN THƯỞNG

Kê khai thành tích khen thưởng từ trước đến nay: .....

.....  
 .....  
 .....  
 .....

### VI. KÝ LUẬT

.....  
 .....  
 .....

Tôi cam kết chịu trách nhiệm về tính xác thực của thông tin đã kê khai và thực hiện đúng trách nhiệm, nghĩa vụ của bản thân theo quy định của pháp luật về thi đua, khen thưởng sau khi được phong tặng danh hiệu “Nghệ nhân nhân dân”.

....., ngày .... tháng .... năm ....  
**XÁC NHẬN**  
**CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN CẤP XÃ<sup>1</sup>**  
**CHỦ TỊCH**  
*(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)*

....., ngày .... tháng .... năm ....  
**NGƯỜI KHAI**  
*(Ký, ghi rõ họ tên)*

....., ngày .... tháng .... năm ....  
**XÁC NHẬN CỦA SỞ CÔNG THƯƠNG**  
*(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)*

---

**Ghi chú:** <sup>1</sup> Xác nhận về cư trú, sự tuân thủ luật pháp và các quy định tại nơi cư trú.

**Ảnh màu****4 x 6***(đóng dấu  
giáp lại)***CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc****BẢN KHAI THÀNH TÍCH ĐỀ NGHỊ XÉT TẶNG DANH HIỆU  
“NGHỆ NHÂN ƯU TÚ”***(Độ dài không quá 05 trang khổ A4)***I. SƠ YẾU LÝ LỊCH**

1. Họ và tên (khai sinh);.....; Ngày, tháng, năm sinh .....

2. Tên thường gọi hoặc nghệ danh, bí danh: .....

3. Mã định danh cá nhân: .....Ngày cấp: .....

Nơi cấp: .....

4. Địa chỉ thường trú: .....

.....

5. Nơi cư trú hiện nay: .....

.....

6. Tên nghề thủ công mỹ nghệ nắm giữ: .....

7. Năm bắt đầu thực hành nghề thủ công mỹ nghệ: .....

8. Điện thoại nhà riêng: .....Điện thoại di động: .....

9. Địa chỉ liên hệ: .....

.....

10. Người liên hệ khi cần: .....

..... Điện thoại: .....

11. Số lượng học trò đã truyền dạy được: .....

**II. QUÁ TRÌNH THAM GIA THỰC HÀNH NGHỀ THỦ CÔNG MỸ NGHỆ**

(Kê khai về quá trình tham gia thực hành nghề thủ công mỹ nghệ, học nghề từ ai, nay còn sống hay đã mất, địa chỉ, điện thoại của người đó (nếu có); đã thực hành nghề thủ công mỹ nghệ đang nắm giữ như thế nào,...)

.....

.....

.....

.....

**III. TRI THỨC VÀ KỸ NĂNG ĐANG NẮM GIỮ**

Mô tả kỹ năng và kỹ xảo nghề đang nắm giữ: .....

.....

.....

.....

#### IV. TÊN TÁC PHẨM, SẢN PHẨM TIÊU BIỂU

Kê khai số lượng, nội dung của tác phẩm, sản phẩm: .....

.....  
 .....  
 .....

#### V. KHEN THƯỞNG

Kê khai thành tích khen thưởng từ trước đến nay: .....

.....  
 .....  
 .....

#### VI. KỶ LUẬT

.....  
 .....  
 .....

Tôi cam kết chịu trách nhiệm về tính xác thực của thông tin đã kê khai và thực hiện đúng trách nhiệm, nghĩa vụ của bản thân theo quy định của pháp luật về thi đua, khen thưởng sau khi được phong tặng danh hiệu “Nghệ nhân ưu tú”.

....., ngày .... tháng .... năm ....  
**XÁC NHẬN CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**CẤP XÃ<sup>1</sup>**  
**CHỦ TỊCH**  
*(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)*

....., ngày .... tháng .... năm ....  
**NGƯỜI KHAI**  
*(Ký, ghi rõ họ tên)*

....., ngày .... tháng .... năm ....  
**XÁC NHẬN CỦA SỞ CÔNG THƯƠNG**  
*(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)*

---

**Ghi chú:** <sup>1</sup> Xác nhận về cư trú, sự tuân thủ luật pháp và các quy định tại nơi cư trú.